

Số: ~~685~~ QĐ-ĐLDK

Hà Nội, ngày ~~07~~ tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP  
niên hạn 2025 - 2026

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Thỏa ước Lao động tập thể Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP,

Căn cứ Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP ban hành theo Quyết định số 656/QĐ-ĐLDK ngày 19/10/2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; Quyết định số 424/QĐ-ĐLDK ngày 30/05/2023 về việc sửa đổi bổ sung quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP ban hành theo Quyết định số 441/QĐ-ĐLDK ngày 05/6/2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; Quyết định số 656/QĐ-ĐLDK ngày 15/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-ĐLDK ngày 23/7/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc Phê duyệt về việc phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-ĐLDK ngày 21/7/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt phạm vi công việc, dự toán chi phí gói thầu Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-ĐLDK ngày 25/7/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc Thành lập Tổ chuyên gia gói thầu Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-ĐLĐK ngày 25/7/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc Thành lập Tổ thẩm định gói thầu Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-ĐLĐK ngày 01/8/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-ĐLĐK ngày 23/7/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc Phê duyệt về việc phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty tại Tờ trình số 244/TTr-TCNS ngày 05/8/2025 về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu “Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV cơ quan Tổng công ty niên hạn 2025 - 2026,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026 (tài liệu đính kèm).

**Điều 2:** Giao Ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty làm đầu mối, phối hợp với các Ban liên quan triển khai thực hiện các công việc theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3:** Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Tổ chức nhân sự, Thương mại, Pháp chế Tổng công ty và các thành viên thuộc: Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT (để b/cáo);
- TGD TCT (để b/cáo);
- BKS TCT (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS (THA-02b).

**Đính kèm:**

- Yêu cầu báo giá. *W*

**K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG**  
**CÔNG TY ĐIỆN LỰC**  
**DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**- CTCP**  
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



**Phan Ngọc Hiền**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP niên hạn 2025 – 2026

Phát hành ngày: 07 / 8 / 2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 685/QĐ-ĐLDK ngày 07 / 8 / 2025

Bên mời thầu: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Ngọc Hiền

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
ĐKHD	Điều kiện của hợp đồng
TBMT	Thông báo mời thầu
YCBG	Yêu cầu báo giá
BBG	Bản báo giá
VND	Đồng Việt Nam



## **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. **Bên mời thầu:** Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- **Tên gói thầu:** Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV cơ quan Tổng công ty niên hạn 2025 - 2026

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 20/8/2025 đến hết ngày 19/8/2026.

### **Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị BBG hoặc rút BBG để một bên trúng thầu;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của YCBG nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ BBG hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong BBG nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, YCBG đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;

c) Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, BBG đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Nội dung YCBG trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung BBG; nội dung yêu cầu làm rõ BBG của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá BBG; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng BBG trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng

nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn.

### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

4. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn (\*); không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:

+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định dự toán;

+ Tư vấn lập, thẩm định YCBG;

+ Tư vấn đánh giá BBG; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

(\*). Nhà thầu tư vấn là nhà thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với chủ đầu tư, bên mời thầu.

6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi YCBG**

1. Làm rõ YCBG

Trường hợp nhà thầu cần làm rõ YCBG thì gửi văn bản đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi YCBG thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi YCBG theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

## 2. Sửa đổi YCBG

Trường hợp sửa đổi YCBG, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi YCBG đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi BBG, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 10 Chương I – Chi dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi YCBG.

### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.
3. BBG cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến BBG được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong BBG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

### **Mục 6. Thành phần của BBG**

BBG do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn chào hàng (Mẫu số 02, mẫu số 7, mẫu số 8 và các tài liệu khác (nếu có))
4. kê khai thông tin nhà thầu theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu
5. Bảng tổng hợp giá chào theo mẫu số 04 (mẫu số 04a) Chương III – Biểu mẫu.
6. Bảo lãnh dự thầu theo mẫu số 06 Chương III – Biểu mẫu;
7. Các Biểu mẫu và cam kết theo yêu cầu tại Chương III.

Nhà thầu phải nộp cùng với BBG các tài liệu như trên, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu chứng minh về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu tham dự thầu, gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm (trong đó có nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người) hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm (trong đó có nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người)

+ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe; Quy tắc bảo hiểm tai nạn;

+ Nhà thầu nộp Báo cáo tài chính được kiểm toán trong 03 năm (2022, 2023, 2024) và một trong những văn bản sau:

+ Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất; hoặc

+ Xác nhận của cơ quan thuế là đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong 3 năm (2022, 2023, 2024) hoặc có tờ khai về quyết toán thuế theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là đã nộp tờ khai); hoặc

+ Về Hợp đồng tương tự: Cung cấp Hợp đồng tương tự; Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc tài liệu khác để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng tương tự (hóa đơn GTGT đã xuất cho khách hàng/Phiếu thu tiền...);

Lưu ý: Các tài liệu nêu trên Nhà thầu nộp bản scan từ bản gốc hoặc bản scan sao y chứng thực.

### **Mục 7. Giá chào và giảm giá**

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của YCBG.

2. Nhà thầu phải nộp BBG cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong YCBG với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong BBG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của BBG và được mở đồng thời cùng BBG của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng BBG và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu là giá các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì BBG của nhà thầu sẽ bị loại.

### **Mục 8. Hiệu lực của BBG**

1. Thời gian có hiệu lực của BBG phải bảo đảm theo yêu cầu là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. BBG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của BBG, bên mời

thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của BBG. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp thuận việc gia hạn thì BBG của nhà thầu này không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp thuận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BBG.

### **Mục 9. Rút, thay thế và sửa đổi BBG**

1. Trường hợp cần sửa đổi BBG đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ BBG đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện BBG, nhà thầu tiến hành nộp lại BBG mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp BBG trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi YCBG (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại BBG mới phù hợp với YCBG đã được sửa đổi.

2. Nhà thầu được rút BBG trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút BBG (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút BBG của nhà thầu.

3. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại BBG trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các BBG nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

### **Mục 10. Bảo đảm dự thầu**

Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn quy định.

### **Mục 11. Thời điểm đóng thầu**

1. Nhà thầu nộp BBG thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm đóng thầu theo quy định.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi YCBG theo quy định tại Mục 4 – Chương I. CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và Nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

## **Mục 12. Mở thầu**

1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp BBG, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định. Trường hợp không có nhà thầu nộp BBG, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.

2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Bên mời thầu;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;
- Tổng số nhà thầu tham dự.

b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của BBG;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

## **Mục 13. Làm rõ BBG**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ BBG theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong BBG của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Trường hợp BBG của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của BBG (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong BBG của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của BBG đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ BBG giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.

3. Việc làm rõ BBG chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có BBG cần phải làm rõ. Nhà thầu không thể tự làm rõ BBG sau thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 14. Đánh giá BBG và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá BBG được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá BBG. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá BBG, BBG và các tài liệu làm rõ BBG (nếu có) của nhà thầu; YCBG.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG;

b) Trong quá trình đánh giá BBG và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với YCBG thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong BBG chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với YCBG hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong BBG của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các BBG của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa YCBG và BBG, giữa các nội dung khác nhau trong BBG có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong BBG (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành

hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

#### **Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có BBG hợp lệ;
2. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá BBG;
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
4. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá này;
5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

#### **Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, BBG của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của YCBG. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong YCBG thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có nhiều hơn một nhà thầu nộp BBG, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

#### **Mục 18. Thay đổi khối lượng và dịch vụ**

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá  $\pm 20\%$  khối lượng công việc nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của YCBG và BBG.

### **Mục 19. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167, đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 22210 388

### **Mục 20. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau:

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167, đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Hà Nội. Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 22210 388

## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BBG**

### **Mục 1. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của BBG**

BBG của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Đính kèm BBG lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của YCBG. Đối với Nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của YCBG;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 CDNT;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều BBG với tư cách là Nhà thầu chính (Nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu dự thầu;
- i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNT.  
Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

BBG được đánh giá là đạt khi BBG có tất cả các tiêu chí đều phải thỏa mãn yêu cầu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm.

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Uy tín nhà thầu	Nhà thầu cam kết trong vòng 05 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) không vi phạm các hành vi theo quy định của pháp luật về đấu thầu tại Luật Đấu thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết của Nhà thầu
3	Số năm hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam (tính đến thời điểm đóng thầu)	≥ 10 năm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	
4	Năng lực tài chính					

4.1	Vốn chủ sở hữu của nhà thầu tính đến thời điểm	$\geq 500$ tỷ đồng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
4.2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã hoàn thành nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(1)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
4.3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ của từng năm trong 03 năm (2022, 2023, 2024)	Dương ( $>0$ )	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	
4.4	Dự phòng BH/bồi thường BH giao động lớn của nhà thầu tính trung bình trong 03 năm (2022, 2023, 2024)	$\geq 110$ tỷ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	

4.5	Quỹ dự phòng nghiệp vụ tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.	$\geq 1.500$ tỷ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
4.6	Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc tại thời điểm 31/12/2024 (so với năm 2023)	$\geq 15\%$	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	
4.7	Chi tiêu ROE tại thời điểm 31/12/2024	$\geq 13\%$	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	
4.8	Biên khả năng thanh toán tính đến ngày 31/12/2024	$\geq$ Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
5	<b>Tổ chức thực hiện</b>	Nhà thầu phải có bộ phận/phòng/ban/trung tâm CSKH để xử lý nghiệp vụ bồi thường sức khỏe trực thuộc nhà thầu, thực hiện giải quyết bồi thường cho khách hàng (Không thông qua bên thứ ba)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	

6	<b>Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự</b>	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.800.000.000 VND; - Thời gian hoàn thành Hợp đồng: 01 năm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 08
7	<b>Bảo lãnh viện phí</b>	Số lượng bệnh viện, phòng khám có liên kết với nhà thầu được bảo lãnh viện phí (Có bảo lãnh viện phí tối thiểu 03 bệnh viện trong các bệnh viện sau: Bệnh viện Việt Pháp, bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec, bệnh viện đa khoa Hồng Ngọc, bệnh viện đa khoa Tâm Anh, bệnh viện đa khoa quốc tế Thu Cúc, tổng số bệnh viện được bảo lãnh: $\geq 100$ )	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật. BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá (Sau khi làm rõ, nếu có)		Tiêu chí đánh giá
<b>I</b>	<b>Về phạm vi công việc</b>		
1	Phạm vi công việc	Chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Mục 2, Chương IV – Yêu cầu đối với nhà thầu	Đạt
		Không chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Mục 2, Chương IV – Yêu cầu đối với nhà thầu	Không đạt
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>		
1	Các yêu cầu kỹ thuật	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật trong Mục 1, Chương IV – Yêu cầu đối với nhà thầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong Mục 1, Chương IV – Yêu cầu đối với nhà thầu	Không đạt
<b>III</b>	<b>Thời gian, địa điểm thực hiện hợp đồng</b>		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng/cung cấp dịch vụ	Đáp ứng yêu cầu về thời gian nêu trong Mục 2. Thời gian cung cấp dịch vụ, Chương IV	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về thời gian nêu trong Mục 2. Thời gian cung cấp dịch vụ, Chương IV	Không đạt
2	Địa điểm thực hiện	Đáp ứng yêu cầu về địa điểm nêu trong Mục 3. Địa điểm cung cấp dịch vụ, Chương IV	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về địa điểm nêu trong Mục 3. Địa điểm cung cấp dịch vụ, Chương IV	Không đạt

### Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. BBG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong BBG của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các BBG của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong

BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

### Chương III. BIỂU MẪU

STT	Nội dung	Mẫu áp dụng	Cách thức thực hiện
1	Đơn chào hàng	Mẫu số 01	Scan đính kèm lên Hệ thống
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 02	Scan đính kèm lên Hệ thống
3	Thỏa thuận liên danh (nếu có)	Mẫu số 03	Scan đính kèm lên Hệ thống
4	Bảng tổng hợp giá chào	Mẫu số 04a	Scan đính kèm lên Hệ thống
5	Bảng giá chào của hàng hoá	Mẫu số 04b	Scan đính kèm lên Hệ thống
6	Bảng kê khai thông tin nhà thầu	Mẫu số 05	Scan đính kèm lên Hệ thống
7	Bảo lãnh dự thầu	Mẫu số 06 (06a và 06b)	Scan đính kèm lên Hệ thống
8	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Mẫu số 07	Scan đính kèm lên Hệ thống
9	Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 08	Scan đính kèm lên Hệ thống

**ĐƠN CHÀO HÀNG<sup>(1)</sup>**

*(Áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá ngay trong đơn chào hàng)*

Ngày: \_\_\_\_ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng*]

Tên dự án: \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu Yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi Yêu cầu báo giá số \_\_\_\_ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của Yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: \_\_\_\_ [*ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(3)</sup>.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]<sup>(4)</sup>.

BBG này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày<sup>(5)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*]<sup>(6)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

7. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, báo giá tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Dự thảo hợp đồng.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

### **Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(7)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(5) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của YCBG.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của YCBG.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu \_ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_ [Ghi tên dự án] do \_ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[ - Ký đơn chào hàng;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ yêu cầu báo giá và văn bản giải trình, làm rõ bản báo giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] <sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]

**Người ủy quyền**

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

Căn cứ<sup>(2)</sup> [Luật đấu thầu .....];Căn cứ *Yêu cầu báo giá* gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày \_\_\_\_ [ghi ngày được ghi trên YCBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại, số fax \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

### **1. Thành viên đứng đầu liên danh**

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau <sup>(3)</sup>:

*[- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBG và văn bản giải trình, làm rõ BBG;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

### **2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:**

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Nội dung công việc đảm nhận</b>	<b>Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào</b>
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các

bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

STT	Nội dung	Giá chào
1	Dịch vụ cung cấp thứ 1	(M)
2	Dịch vụ cung cấp thứ n	(I)
	<b>Tổng cộng giá chào</b> <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>	<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*



**BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HOÁ DỊCH VỤ**

1	2	3	4	5	6	7
STT	Nội dung	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (VNĐ)	Giá chào (VNĐ)		
1						
2						
<i>1. Cộng</i>						
<i>2. Thuế GTGT</i>						
<i>3. Phí, lệ phí (Nếu có)</i>						
<b>Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí</b> <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) bên mời thầu ghi phù hợp với quy định tại Chương IV - Yêu cầu đối với gói thầu. Các cột (6), (7) do nhà thầu chào.

Tổng cộng giá chào bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

## BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU

Tên nhà thầu:
Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ [ <i>ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động</i> ]
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu:
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán vô điều kiện không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

## BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán vô điều kiện không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30

ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

**HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BBG			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BBG.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BBG.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và BBG sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>	
E-mail:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>	
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá BBG<sup>(2)</sup>.</b>		
1. Loại hàng hóa dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>	
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

## Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

### Mục 1. Phạm vi công việc và Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên gói thầu: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026, bao gồm những nội dung chính như sau:

#### 1.2. Phạm vi công việc và Yêu cầu về kỹ thuật

##### a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết phạm vi cung cấp tại Bảng phạm vi công việc tại mục B.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 20/8/2025 đến hết ngày 19/8/2026.

- Yêu cầu về kỹ thuật: Chi tiết yêu cầu về kỹ thuật nêu tại mục b.

- Yêu cầu về tài chính, thương mại:

+ Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, bảo hiểm, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu .

+ Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

##### b) Phạm vi công việc và yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung yêu cầu nêu tại bảng sau:

<b>A</b>	<b>Phạm vi công việc</b>				
	Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP niên hạn 2025 - 2026				
<b>B</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>				
	<b>QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b>	<b>SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM</b>			
		<b>Chương trình 1</b>	<b>Chương trình 2</b>	<b>Chương trình 3</b>	<b>Chương trình 4</b>
<b>I</b>	<b>BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN</b>				
	Phạm vi lãnh thổ	Toàn cầu	Việt Nam		
	Phạm vi bảo hiểm	Từ vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn			
1	Từ vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	<b>VND 1,040,000,000</b>	<b>VND 500,000,000</b>	<b>VND 330,000,000</b>	<b>VND 180,000,000</b>
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Theo bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật			
3	Chi phí y tế do tai nạn/năm	VND 104,000,000	VND 104,000,000	VND 104,000,000	VND 65,000,000
4	Thương tật tạm thời (Tối thiểu 180 ngày/năm)	VND 1.300.000/ngày	VND 260.000/ngày	VND 260.000/ngày	VND 130.000/ngày
<b>II</b>	<b>BẢO HIỂM SINH MẠNG</b>	<b>VND 1,040,000,000</b>	<b>VND 500,000,000</b>	<b>VND 330,000,000</b>	<b>VND 180,000,000</b>
	Phạm vi lãnh thổ	Toàn cầu	Việt Nam		
	Phạm vi bảo hiểm	Từ vong, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản			
1	Từ vong/Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản	VND 1,040,000,000	VND 500,000,000	VND 330,000,000	VND 180,000,000
<b>III</b>	<b>BẢO HIỂM CHI PHÍ Y TẾ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT, THAI SẢN</b>				

	Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam			
	Phạm vi bảo hiểm	Chi phí nằm viện, phẫu thuật và chi phí khác do ốm đau, bệnh tật, thai sản			
<b>A</b>	<b>Điều trị nội trú</b>				
	<i>Số tiền bảo hiểm/người/năm</i>	<b>VND 455,000,000</b>	<b>VND 234,000,000</b>	<b>VND 195,000,000</b>	<b>VND 143,000,000</b>
1	<b>Viện phí trong thời gian nằm viện:</b> (tối thiểu 60 ngày/năm) - Tiền giường - Xét nghiệm chuẩn đoán hình ảnh - Thuốc điều trị - Chi phí đỡ đê - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 11,700,000	VND 9,750,000	VND 7,150,000
2	Chi phí phẫu thuật ( <i>Bao gồm phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày và phẫu thuật ngoại trú</i> ) (giới hạn tối thiểu/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 234,000,000	VND 195,000,000	VND 143,000,000
3	Phục hồi chức năng (giới hạn tối thiểu/năm)	VND 45,500,000	VND 23,400,000	VND 19,500,000	VND 14,300,000
4	Quyền lợi thai sản	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm			
5	Chi phí trước khi nhập viện theo chỉ định của bác sĩ ( <i>trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện</i> ) (giới hạn tối thiểu/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 26.000.000/năm	VND 11,700,000	VND 9,750,000	VND 7,150,000
6	Chi phí điều trị sau khi xuất viện ( <i>trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất viện</i> ) (giới hạn mức tối thiểu/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 26.000.000/năm	VND 11,700,000	VND 9,750,000	VND 7,150,000
7	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ( <i>theo chỉ định của bác sĩ - trong vòng 15 ngày</i> ) (giới hạn mức tối thiểu/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 13.000.000/năm	VND 11,700,000	VND 9,750,000	VND 7,150,000

8	Cấy ghép nội tạng (không bảo hiểm cho chi phí mua các bộ phận nội tạng và chi phí hiển nội tạng) (giới hạn mức tối thiểu/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/ năm	VND 234,000,000	VND 195,000,000	VND 143,000,000
9	Dịch vụ xe cứu thương (cho dịch vụ cứu thương của địa phương với mục đích vận chuyển khẩn cấp Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp dịch vụ y tế thích hợp. Trong trường hợp không có dịch vụ cứu thương của địa phương, Người được bảo hiểm có thể dùng taxi với giới hạn trách nhiệm tới 200.000 VND/vụ. Hoá đơn taxi phải được cung cấp với thông tin liên quan) (giới hạn tối thiểu/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 234,000,000	VND 195,000,000	VND 143,000,000
10	Trợ cấp nằm viện/ngày (tối thiểu 180 ngày/năm)	VND 520.000/ngày	VND 234,000	VND 195,000	VND 143,000
11	Trợ cấp mai táng (giới hạn mức tối thiểu)	VND 13.000.000	VND 2,000,000	VND 2,000,000	VND 2,000,000
12	Hỗ trợ thông tin của dịch vụ SOS 24/24h - Đường dây nóng: +848 8275 328	Có hỗ trợ	Có hỗ trợ	Có hỗ trợ	Có hỗ trợ
	- Tư vấn y tế qua điện thoại				
	- Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ y tế				
	- Thông tin về yêu cầu tiêm chủng và visa				
	- Những vấn đề về dịch thuật				
	- Những vấn đề về đại sứ quán				
- Thông tin về thời tiết và tỷ giá hối đoái					
<b>B</b>	<b>Điều trị ngoại trú</b>				
	<b>Số tiền bảo hiểm/người/năm</b>	<b>VND 32,500,000</b>	<b>VND 21,450,000</b>	<b>VND 18,200,000</b>	<b>VND 14,300,000</b>

1	Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm	Không giới hạn số tiền và số lần khám	Không giới hạn số tiền và số lần khám	Không giới hạn số tiền và số lần khám	Không giới hạn số tiền và số lần khám
2	Vật lý trị liệu ( <i>tối thiểu 60 ngày/năm</i> )	Không giới hạn số tiền và số lần khám	VND 550,000	VND 450,000	VND 350,000
3	Điều trị răng cơ bản/năm - Bao gồm mức trách nhiệm ngoại trú: (Được áp dụng tại các bệnh viện, trung tâm y tế nhà nước, các bệnh viện, phòng khám nha khoa thuộc hệ thống bảo lãnh của bên cung cấp sản phẩm bảo hiểm) - Khám và chẩn đoán - Chụp X-Quang - Viêm lợi (nướu) - Hàn răng bằng chất liệu thông thường (amalgan hoặc composite và các chất liệu tương đương) - Điều trị tủy răng - Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu) - Lấy cao răng	VND 9,750,000	VND 6,435,000	VND 5,460,000	VND 4,290,000
<b>C</b>	<b>Khám chữa bệnh tại nước ngoài</b>	<b>Áp dụng trong khu vực Châu Á</b>	Không áp dụng		
	(Chỉ áp dụng trong trường hợp khẩn cấp và việc xử lý không thực hiện được tại Việt Nam, được sự đồng ý của Bác sỹ, đơn vị cung cấp bảo hiểm hỗ trợ y tế SOS)				
	Tổng mức trách nhiệm, trong đó:	VND 1.300.000.000			
	- Các chi phí vận chuyển được thu xếp bởi Công ty Hỗ trợ y tế quốc tế (SOS)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 1.300.000.000/người/năm			
	- Chi phí y tế chi trả trong quá trình nằm viện	Chi trả theo chi phí thực tế không			

	nơi người được bảo hiểm chuyển đến	quá VND 1.300.000.000/người/năm	
	- Hạn mức trách nhiệm theo ngày	VND 52.000.000/ngày	Không áp dụng
<b>IV</b>	<b>ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN</b>		
<b>1</b>	<b>Đối tượng tham gia bảo hiểm:</b> CBNV và người thân của CBNV		
<b>2</b>	<b>Thời gian chờ:</b> Không áp dụng thời gian chờ với CBNV và người thân		
<b>3</b>	<b>Thời gian giải quyết bồi thường:</b> Đơn vị cung cấp bảo hiểm sẽ thanh toán tiền cho khách hàng trong tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ bồi thường		
<b>4</b>	<b>Điều khoản bổ sung:</b> Danh sách người tham gia bảo hiểm được tự động cập nhật tăng giảm theo yêu cầu của bên mua.		

**Ghi chú:**

- Chương trình 1: Người quản lý Tổng công ty/Chủ tịch Công đoàn/Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty;
- Chương trình 2: Trưởng các Ban chức năng/Chánh Văn phòng/Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty/Chánh Văn phòng Đảng Đoàn;
- Chương trình 3: Phó Trưởng các Ban chức năng/Phó Chánh Văn phòng/Phó Chánh Văn phòng Đảng Đoàn;
- Chương trình 4: Chuyên viên/Nhân viên/Lái xe/Người thân người quản lý Tổng công ty.

**Mục 2. Thời gian cung cấp dịch vụ**

- Thời gian cung cấp dịch vụ: Từ ngày 20/8/2025 đến hết ngày 19/8/2026

**Mục 3. Địa điểm cung cấp dịch vụ**

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP: 167 Trung kính, Yên Hòa, Hà Nội.

**Mục 4. Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự**

- Yêu cầu nhà thầu có kinh nghiệm trong việc thực hiện các hợp đồng tương tự: Có ít nhất 02 hợp đồng với nội dung công việc tương tự

**Mục 5. Yêu cầu về tài chính, thương mại**

- Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, bảo hiểm, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.

- Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

**Mục 6. Yêu cầu bảo đảm dự thầu**

- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu cho cả gói thầu: 50.000.000 VND (Năm mươi triệu đồng).

- Hình thức bảo đảm dự thầu: Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu:  $\geq 70$  ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Số:        /

**BẢO HIỂM SỨC KHỎE ..... CHO CBCNV**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Bộ luật Dân sự đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 44 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe của Công ty Bảo hiểm.... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm....);

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng.

**Hôm nay, ngày        tháng        năm 2025 tại Hà Nội**, tại trụ sở chính Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, Tầng 8, tòa nhà Viện Dầu khí, Số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN A                    : TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP**

Địa chỉ                    : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Hà Nội.

Mã số thuế                : 0102276173

Điện thoại                : 024.2221 0288                    Fax: 024.2221 0388

Do Ông                    : **Phan Ngọc Hiến**

Chức vụ                    : Phó Tổng giám đốc                    - làm đại diện

*Theo Quyết định ủy quyền số 36/QĐ-ĐLĐK Ngày 17/01/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.*

Và

**BÊN B                    :**

Địa chỉ                    :

Điện thoại                :

Fax:

Tài khoản số :  
Tại ngân hàng :  
Người đại diện :  
Chức vụ : - làm đại diện

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng Bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

### **Điều 1: Giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này**

Trong phạm vi của Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được các bên hiểu và thống nhất như sau:

- 1.1. **Hợp đồng:** là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, theo đó Bên A phải đóng phí bảo hiểm, Bên B phải trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng cho Bên A khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Các tài liệu sau đây là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:
  - Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên A;
  - Quy tắc bảo hiểm nêu tại Điều 5 dưới đây, các điều khoản bổ sung (nếu có).
  - Giấy chứng nhận Bảo hiểm.
  - Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này.
- 1.2. **Quy tắc bảo hiểm:** là văn bản do Bên B ban hành quy định chi tiết về điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các điểm loại trừ áp dụng.
- 1.3. **Giấy chứng nhận bảo hiểm:** Là văn bản tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm do Bên B phát hành trên cơ sở thông tin và yêu cầu của Bên A cung cấp.
- 1.4. **Ngày:** là ngày dương lịch theo quy định, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.5. **Sự kiện bảo hiểm:** là sự kiện khách quan thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định trong Quy tắc bảo hiểm và Điều khoản bảo hiểm bổ sung (nếu có) quy định tại Điều 3 và Điều 5 dưới đây mà khi sự kiện đó xảy ra thì Bên B phải trả tiền bồi thường cho Bên A hoặc Người được bảo hiểm.
- 1.6. **Pháp luật:** được hiểu là toàn bộ các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến các nội dung, quy định tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
- 1.7. **CT2:** Chương trình 2
- 1.8. **CT3:** Chương trình 3
- 1.9. **CT4:** Chương trình 4

## **Điều 2 : Đối tượng bảo hiểm**

Đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng này là cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Bên A (dự kiến tại thời điểm ký là **283** người) theo danh sách đính kèm Hợp đồng này (dưới đây gọi là “Người được bảo hiểm”) bao gồm:

- CT2 (Trưởng Ban chức năng/ Chánh văn phòng/ Chánh Văn phòng Đảng ủy/ Phó chủ tịch Công đoàn TCT và các chức danh tương đương): dự kiến là **11 người**.
- CT3 (Phó trưởng Ban chức năng/ Phó chánh văn phòng, các chức danh chuyên trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy: dự kiến là **38 người**.
- CT4 (Chuyên viên/ Nhân viên/ Lái xe/ Người thân Người quản lý): dự kiến là **234 người**.

Lưu ý: Đối tượng được bảo hiểm có thể được điều chỉnh và sửa đổi theo thông báo bằng văn bản của Bên A và chỉ bắt đầu hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại các sửa đổi, bổ sung được Bên B ban hành.

## **Điều 3: Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm**

### **3.1. Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm:** *(Theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng)*

- Bảo hiểm chi trả quyền lợi bảo hiểm trong phạm vi số tiền bảo hiểm lựa chọn trong trường hợp bị tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, thai sản theo bảng quyền lợi chi tiết theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm chi trả cho các chi phí y tế phát sinh trong trường hợp tai nạn, ốm đau, bệnh tật thuộc phạm vi bảo hiểm theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm chi trả cho trường hợp mất thu nhập trong thời gian nghỉ điều trị tai nạn theo chỉ định của bác sỹ hoặc trong thời gian điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật theo chỉ định của bác sỹ theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.

### **3.2. Phí bảo hiểm**

- CT2 (Trưởng các Ban chức năng/ Chánh văn phòng/ Chánh Văn phòng Đảng ủy/ Phó chủ tịch Công đoàn TCT và các chức danh tương đương):.....

**VND/người/năm**

- CT3 (Phó trưởng Ban chức năng/Phó chánh văn phòng, các chức danh chuyên trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy): .....**VND/người/ năm**

- CT4 (Chuyên viên/Nhân viên/ Lái xe/Người thân Người quản lý): .....  
**VND/người/năm**

**Tổng phí bảo hiểm: ..... VND** (Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe con người thuộc đối tượng không phải chịu thuế GTGT).

(Bằng chữ: .....)

Trong đó:

- CT2 (Trưởng Ban chức năng/Chánh văn phòng/Chánh Văn phòng Đảng ủy/Phó chủ tịch Công đoàn Tổng công ty và các chức danh tương đương):

**11 người x ..... VND = ..... VND**

- CT3 (Phó trưởng Ban chức năng/Phó chánh văn phòng, các chức danh chuyên trách thuộc các Tổ chức Chính trị xã hội (Chánh Văn phòng Công Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy):

**38 người x ..... VND = ..... VND**

- CT4 (Chuyên viên/Nhân viên/Lái xe/Người thân Người quản lý):

**234 người x ..... VND = ..... VND**

#### **Điều 4: Thời hạn bảo hiểm, thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian chờ**

##### **4.1. Thời hạn bảo hiểm:**

01 (một) năm kể từ 00h00 ngày 20/08/2025 đến 23h59 ngày 19/08/2026

##### **4.1. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi kết thúc Đơn bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm ..... hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm theo Hợp đồng bảo hiểm.

##### **4.2. Thời gian chờ: Không áp dụng thời gian chờ**

#### **Điều 5 : Điều kiện, điều khoản bảo hiểm**

##### **5.1. Điều kiện, điều khoản bảo hiểm**

- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm ..... (ban hành kèm theo Quyết định số ....., ngày..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm ..... và các Điều khoản bổ sung sau:
  - Điều khoản tự động tăng/ giảm người;
  - Điều khoản về Điều trị ngoại trú (*theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....*);
  - Điều khoản về Điều trị răng (*Bao gồm trong mức trách nhiệm điều trị ngoại trú: (theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm.....*);
  - Điều khoản tiền tệ;
  - Ngộ độc thức ăn đồ uống;
  - Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp;
  - Ngộ độc/ngạt thở khí và khói độc;
  - .....

## 5.2 Các tài liệu kèm theo

Các tài liệu kèm theo là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm này, bao gồm:

- Danh sách CBNV của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này;
- Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe (*của đơn vị bảo hiểm*);
- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm ..... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....);
- Danh sách các bệnh viện, phòng khám, nhà thuốc ..... thuộc hệ thống bảo lãnh của .....(*đơn vị bảo hiểm sẽ thông báo khi có sự thay đổi*);

## Điều 6: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán phí bảo hiểm

6.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

6.2. Thời hạn thanh toán:

- Sau ký kết hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền phí bảo hiểm của hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và sau khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán cụ thể như sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc).
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc).
- + Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc).

- Các điều chỉnh, bổ sung được chấp thuận (nếu có) sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp Sửa đổi bổ sung.

- Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

### **Điều 7: Chấm dứt/Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm**

7.1. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc theo các trường hợp quy định của pháp luật và Quy tắc bảo hiểm, tùy theo thời điểm nào đến trước.

7.2. Nếu Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn, hiệu lực của Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ tự động bị chấm dứt từ thời điểm kết thúc thời hạn thanh toán và Bên B không phải gửi bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho Bên A và Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp này, Bên A vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm. Việc chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

7.3. Các bên đồng ý rằng, sau khi Hợp đồng bị chấm dứt hiệu lực theo Khoản 7.2 ở trên, nếu Bên A muốn tiếp tục tham gia bảo hiểm và thanh toán toàn bộ tiền phí bảo hiểm cho Bên B, thì Hợp đồng này sẽ được tự động khôi phục hiệu lực từ 0 giờ 00 của ngày kế tiếp ngày Bên A đã chuyển thành công toàn bộ tiền phí bảo hiểm vào tài khoản của Bên B hoặc đã nộp tiền mặt trực tiếp cho Bên B và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất phát sinh trong thời gian Hợp đồng này bị mất hiệu lực.

### **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của các Bên**

#### **8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm này;

- Kê khai/cung cấp tài liệu trung thực, đầy đủ các thông tin quy định trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu bồi thường và mọi thông tin có liên quan đến Hợp đồng theo yêu cầu của Bên B;
- Cam kết mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm do Bên A cung cấp là chính xác; được giải thích và phối hợp với Bên B cung cấp các nội dung Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm, điểm loại trừ bảo hiểm, giảm trừ bồi thường và điều khoản bổ sung cho Người được bảo hiểm.
- Thông báo cho Bên B về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp/hướng dẫn Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp để phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;
- Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản mọi thay đổi về số lượng người được bảo hiểm từng nhóm cho Bên B biết trong vòng 30 ngày để Bên B cập nhật Sửa đổi bổ sung xác nhận các thay đổi đó;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Giải thích cho Bên A, phối hợp với Bên A giải thích các điều kiện điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên A và Người được bảo hiểm;
- Hướng dẫn Bên A và/hoặc Người được bảo hiểm hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Trên cơ sở thông báo sự thay đổi về số lượng Người được bảo hiểm, Bên B sẽ tiến hành lập Sửa đổi bổ sung bảo hiểm cho những người mới tham gia bảo hiểm hoặc chấm dứt bảo hiểm đối với những người không còn tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm xảy ra với CBNV chưa có tên trong danh sách bảo hiểm thì hợp đồng lao động của Bên A với cá nhân đó sẽ là cơ sở để Bên B xem xét và trả tiền bảo hiểm, với điều kiện Bên A thông báo theo đúng thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm theo trách nhiệm quy định tại Khoản 8.1 nêu trên;
- Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.

- Đơn phương chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này;
- Có trách nhiệm trả thẻ cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A thanh toán phí bảo hiểm;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **Điều 9: Trách nhiệm của các Bên và điều khoản chung**

### **9.1 Trách nhiệm của các Bên**

- Kê khai trung thực, đầy đủ các khoản mục quy định trên giấy yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định.
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc thân nhân của họ phải áp dụng các biện pháp cần thiết và có thể thực hiện được để cứu chữa nạn nhân.
- Trung thực trong việc khai báo và cung cấp các chứng từ chính xác về rủi ro được bảo hiểm.
- Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này sẽ phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) của phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm; ngoài ra còn phải bồi thường một trăm phần trăm (100%) giá trị thiệt hại cho bên còn lại. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh về các thiệt hại phát sinh.

### **9.2 Điều khoản chung**

- Các bên đã đọc, hiểu và cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký kết.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các yêu cầu phát sinh ngoài các nội dung của hợp đồng này sẽ sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng một hoặc nhiều Phụ lục hợp đồng với điều kiện những sửa đổi, bổ sung đó phải phù hợp với pháp luật hiện hành và được hai bên thống nhất bằng văn bản.

## **Điều 10: Điều khoản khác**

- 10.1 Không một Bên nào có quyền chuyển nhượng cho người thứ ba toàn bộ hoặc một phần quyền lợi hay trách nhiệm của mình mà không có văn bản thoả thuận của Bên kia.
- 10.2 Tất cả các bổ sung và sửa đổi đối với hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.
- 10.3 Các Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau ngay về các vấn đề nảy sinh, cản trở hoặc có thể cản trở việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng và thảo luận để tìm biện pháp giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho hai Bên.
- 10.4 Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, Bên A và Bên B sẽ thống nhất các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất của hợp đồng này theo đúng luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước .
- 10.5 **Huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm:**  
Trong trường hợp một trong hai Bên đề nghị huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm, Bên yêu cầu huỷ bỏ phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 30 ngày kể từ ngày định huỷ bỏ. Nếu hợp đồng được hai Bên thoả thuận huỷ bỏ, Bên B sẽ hoàn trả 80% phí bảo hiểm của thời hạn còn lại, với điều kiện đến thời điểm đó hợp đồng bảo hiểm này chưa có lần nào được Bên B chấp nhận trả tiền bảo hiểm.
- 10.6 Các Bên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này theo Pháp luật hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam.
- 10.7 Thời hạn khiếu nại bồi thường là 06 tháng tính từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B từ chối hoặc giải quyết số tiền bồi thường.
- 10.8 Những nội dung quy định trong Quy tắc bảo hiểm trái với hợp đồng thì ưu tiên áp dụng quy định tại hợp đồng.
- 10.9 Các tranh chấp nảy sinh trong việc thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không đạt được thoả thuận, tranh chấp sẽ đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật của Nhà nước CHXH Việt Nam, án phí do Bên thua kiện chịu. Quyết định của Toà án là bắt buộc các Bên thực hiện.

Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (03) bản, Bên B giữ hai (01) bản để theo dõi và thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Số: /

**BẢO HIỂM SỨC KHỎE ..... CHO NGƯỜI QUẢN LÝ  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Bộ luật Dân sự đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 44 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe của Công ty Bảo hiểm.... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm....);

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng.

**Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại Hà Nội**, tại trụ sở chính Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, Tầng 8, tòa nhà Viện Dầu khí, Số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP**

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173

Điện thoại : 024.2221 0288 Fax: 024.2221 0388

Do Ông : **Phan Ngọc Hiền**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc - làm đại diện

*Theo Quyết định ủy quyền số 36/QĐ-ĐLĐK Ngày 17/01/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.*

Và

**BÊN B :**

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax:

Tài khoản số :

Tại ngân hàng :

Người đại diện :

Chức vụ :

- làm đại diện

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng Bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

### **Điều 1: Giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này**

Trong phạm vi của Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được các bên hiểu và thống nhất như sau:

- 1.1. **Hợp đồng:** là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, theo đó Bên A phải đóng phí bảo hiểm, Bên B phải trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng cho Bên A khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Các tài liệu sau đây là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:
  - Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên A;
  - Quy tắc bảo hiểm nêu tại Điều 5 dưới đây, các điều khoản bổ sung (nếu có).
  - Giấy chứng nhận Bảo hiểm.
  - Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này.
- 1.2. **Quy tắc bảo hiểm:** là văn bản do Bên B ban hành quy định chi tiết về điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các điểm loại trừ áp dụng.
- 1.3. **Giấy chứng nhận bảo hiểm:** Là văn bản tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm do Bên B phát hành trên cơ sở thông tin và yêu cầu của Bên A cung cấp.
- 1.4. **Ngày:** là ngày dương lịch theo quy định, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.5. **Sự kiện bảo hiểm:** là sự kiện khách quan thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định trong Quy tắc bảo hiểm và Điều khoản bảo hiểm bổ sung (nếu có) quy định tại Điều 3 và Điều 5 dưới đây mà khi sự kiện đó xảy ra thì Bên B phải trả tiền bồi thường cho Bên A hoặc Người được bảo hiểm.
- 1.6. **Pháp luật:** được hiểu là toàn bộ các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến các nội dung, quy định tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
- 1.7. **CT1:** Chương trình 1.

### **Điều 2: Đối tượng bảo hiểm.**

Đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng này là Người quản lý/Chủ tịch Công đoàn/Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty của Bên A (dự kiến số lượng là 21 người) theo danh sách đính kèm Hợp đồng này (dưới đây gọi là “Người được bảo hiểm”) bao gồm:

.....

Lưu ý:

Đối tượng được bảo hiểm có thể được điều chỉnh và sửa đổi theo thông báo bằng văn bản của Bên A và chỉ bắt đầu hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại các sửa đổi, bổ sung được Bên B ban hành.

### **Điều 3: Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm**

#### **3.1. Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm:** *(Theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng)*

- Bảo hiểm chi trả quyền lợi bảo hiểm trong phạm vi số tiền bảo hiểm lựa chọn trong trường hợp bị tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, thai sản theo bảng quyền lợi chi tiết theo theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm chi trả cho các chi phí y tế phát sinh trong trường hợp tai nạn, ốm đau, bệnh tật thuộc phạm vi bảo hiểm theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm chi trả cho trường hợp mất thu nhập trong thời gian nghỉ điều trị tai nạn theo chỉ định của bác sỹ hoặc trong thời gian điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật theo chỉ định của bác sỹ theo bảng quyền lợi đính kèm Hợp đồng trừ những điểm loại trừ trong quy tắc và hợp đồng bảo hiểm.

#### **3.2. Phí bảo hiểm**

- **Phí bảo hiểm chi tiết như sau:**

CT1 (Người quản lý chuyên trách/Chủ tịch Công đoàn/Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty): .....VND/người/năm

- **Tổng phí bảo hiểm:** 21 Người x ..... VND = ..... VND *(Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe con người thuộc đối tượng không phải chịu thuế GTGT)*  
*(Bảng chữ: .....)*

### **Điều 4: Thời hạn bảo hiểm**

#### **4.1. Thời hạn bảo hiểm:**

01 năm kể từ 00h00 ngày 20/08/2025 đến 23h59 ngày 19/08/2026

#### **4.2. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi kết thúc Đơn bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm ..... hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm theo hợp đồng Bảo hiểm.

### 4.3. Thời gian chờ

Không áp dụng thời gian chờ.

## Điều 5: Điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các loại trừ bảo hiểm

### 5.1 Điều kiện, điều khoản bảo hiểm:

Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm .....(ban hành kèm theo QĐ số ..... ngày ..... của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm .....và các Điều khoản bổ sung sau:

- Điều khoản tự động tăng/giảm người;
- Điều khoản ứng trước tiền mặt;
- Điều khoản về Điều trị ngoại trú (*theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe .....ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....*);
- Điều khoản về Điều trị răng (*Bao gồm trong mức trách nhiệm điều trị ngoại trú: (theo phụ lục đính kèm Hợp đồng - Điều kiện bảo hiểm bổ sung bảo hiểm ..... đính kèm quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm.....)*);
- Điều khoản tiền tệ;
- Khám chữa bệnh và điều trị ở nước ngoài;
- Ngộ độc thức ăn đồ uống;
- Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp;
- Ngộ độc/ngạt thở khí và khói độc;

.....

### 5.2 Các tài liệu kèm theo

Các tài liệu kèm theo là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm này, bao gồm:

- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm Hợp đồng này;
- Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe (*của đơn vị bảo hiểm*);
- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm ..... (ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm .....);

- Danh sách các bệnh viện, phòng khám, nhà thuốc ..... thuộc hệ thống bảo lãnh của .....(đơn vị bảo hiểm sẽ thông báo khi có sự thay đổi);

## **Điều 6: Thời hạn và phương thức thanh toán phí bảo hiểm**

### **6.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản**

### **6.2. Thời hạn thanh toán:**

- Sau ký kết hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền phí bảo hiểm của hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và sau khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán cụ thể như sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc).
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc).
- + Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc).

- Các điều chỉnh, bổ sung được chấp thuận (nếu có) sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp Sửa đổi bổ sung.

- Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

## **Điều 7: Chấm dứt/Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm**

7.1. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc theo các trường hợp quy định của pháp luật và Quy tắc bảo hiểm, tùy theo thời điểm nào đến trước.

7.2. Nếu Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn, hiệu lực của Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ tự động bị chấm dứt từ thời điểm kết thúc thời hạn thanh toán và Bên B không phải gửi bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho Bên A và Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp này, Bên A vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm. Việc chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

7.3. Các bên đồng ý rằng, sau khi Hợp đồng bị chấm dứt hiệu lực theo Khoản 7.2 ở trên, nếu Bên A muốn tiếp tục tham gia bảo hiểm và thanh toán toàn bộ tiền phí bảo hiểm cho Bên B, thì Hợp đồng này sẽ được tự động khôi phục hiệu lực từ 0 giờ 00 của ngày kế tiếp ngày Bên A đã chuyển thành công toàn bộ tiền phí bảo hiểm vào tài khoản của Bên B hoặc đã nộp tiền mặt trực tiếp cho Bên B và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất phát sinh trong thời gian Hợp đồng này bị mất hiệu lực.

## **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của các Bên**

### **8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm này;

- Kê khai/cung cấp tài liệu trung thực, đầy đủ các thông tin quy định trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu bồi thường và mọi thông tin có liên quan đến Hợp đồng theo yêu cầu của Bên B;
- Cam kết mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm do Bên A cung cấp là chính xác; được giải thích và phối hợp với Bên B cung cấp các nội dung Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm, điểm loại trừ bảo hiểm, giảm trừ bồi thường và điều khoản bổ sung cho Người được bảo hiểm.
- Thông báo cho Bên B về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp/hướng dẫn Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;
- Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản mọi thay đổi về số lượng người được bảo hiểm từng nhóm cho Bên B biết trong vòng 30 ngày để Bên B cấp Sửa đổi bổ sung xác nhận các thay đổi đó;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Giải thích cho Bên A, phối hợp với Bên A giải thích các điều kiện điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên A và Người được bảo hiểm;
- Hướng dẫn Bên A và/hoặc Người được bảo hiểm hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Trên cơ sở thông báo sự thay đổi về số lượng Người được bảo hiểm, Bên B sẽ tiến hành lập Sửa đổi bổ sung bảo hiểm cho những người mới tham gia bảo hiểm hoặc chấm dứt bảo hiểm đối với những người không còn tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm xảy ra với CBNV chưa có tên trong danh sách bảo hiểm thì hợp đồng lao động của Bên A với cá nhân đó sẽ là cơ sở để Bên B xem xét và trả tiền bảo hiểm, với điều kiện Bên A thông báo theo đúng thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm theo trách nhiệm quy định tại Khoản 8.1 nêu trên;
- Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.
- Đơn phương chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này;

- Có trách nhiệm trả thẻ cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A thanh toán phí bảo hiểm;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **Điều 9: Trách nhiệm của các Bên và điều khoản chung**

### **9.2 Trách nhiệm của các Bên**

- Kê khai trung thực, đầy đủ các khoản mục quy định trên giấy yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định.
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc thân nhân của họ phải áp dụng các biện pháp cần thiết và có thể thực hiện được để cứu chữa nạn nhân.
- Trung thực trong việc khai báo và cung cấp các chứng từ chính xác về rủi ro được bảo hiểm.
- Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này sẽ phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) của phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm; ngoài ra còn phải bồi thường một trăm phần trăm (100%) giá trị thiệt hại cho bên còn lại. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh về các thiệt hại phát sinh.

### **9.2 Điều khoản chung**

- Các bên đã đọc, hiểu và cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký kết.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các yêu cầu phát sinh ngoài các nội dung của hợp đồng này sẽ sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng một hoặc nhiều Phụ lục hợp đồng với điều kiện những sửa đổi, bổ sung đó phải phù hợp với pháp luật hiện hành và được hai bên thống nhất bằng văn bản.

## **Điều 10: Điều khoản khác**

- 10.1** Không một Bên nào có quyền chuyển nhượng cho người thứ ba toàn bộ hoặc một phần quyền lợi hay trách nhiệm của mình mà không có văn bản thoả thuận của Bên kia.
- 10.2** Tất cả các bổ sung và sửa đổi đối với hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.